

ĐIỀU TRA THÀNH PHẦN LOÀI THỰC VẬT BẬC CAO Ở KHU DU LỊCH SINH THÁI GÁO GIỒNG, HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

• ThS. Võ Thị Phượng (*), ThS. Nguyễn Kim Búp (*),
ThS. Phạm Thị Thanh Mai (*), ThS. Nguyễn Thị Bé Nhanh (*),
ThS. Lê Ngọc Tiết (*), ThS. Trần Đức Tường (*)

Tóm tắt

Kết quả điều tra thành phần loài thực vật bậc cao ở khu du lịch sinh thái Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã xác định được 199 loài thực vật bậc cao, 163 chi, 76 họ. Trong đó 1 loài thực vật chưa có mạch (thuộc ngành - Bryophyta) chiếm 0,5%, 7 loài thuộc ngành Dương xỉ chiếm 3,52%, 1 loài thuộc ngành Hạt trần - Gymnospermatophyta (Tuế) chiếm 0,5%, 190 loài thực vật có hoa (ngành Hạt kín - Angiospermatophyta) chiếm 95,48%, trong đó 133 loài thực vật Hai lá mầm - Dicotyledonae chiếm 66,84%, 57 loài thực vật Một lá mầm - Monocotyledonae chiếm 28,64%.

Từ khóa: đa dạng taxon, loài, chi, họ.

1. Đặt vấn đề

Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng có diện tích gần 1.700 ha, trong đó có 250 ha rừng tràm nguyên sinh [5]. Từ lâu đã nổi tiếng là “ốc đảo xanh” với cảnh quan thiên nhiên quyến rũ, đặc trưng cho vùng đất trũng Đồng Tháp Mười, là nơi mang đầy đủ những đặc trưng về đa dạng sinh học, cảnh quan, văn hóa và lịch sử của Đồng Tháp Mười. Ngoài giá trị về sinh thái, nơi đó còn có giá trị về mặt khoa học, nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, kinh tế và du lịch... Đặc biệt nơi đây đã thu hút hàng vạn du khách trong và ngoài nước đến tham quan, do đó vai trò của khu hệ thực vật nơi đây càng trở nên quan trọng và cần được bảo vệ và phát triển để trở thành một cảnh quan du lịch nổi tiếng. Bài báo này nhằm cung cấp những thông tin góp phần bảo tồn và phát triển bền vững khu du lịch sinh thái Gáo Giồng.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thực vật bậc cao ở khu du lịch sinh thái Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*) Trường Đại học Đồng Tháp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra tri thức bản địa bằng cách phỏng vấn cán bộ ở khu du lịch sinh thái Gáo Giồng. Tiến hành điều tra ngoài thực địa được thực hiện theo các phương pháp điều tra tuyến và ô tiêu chuẩn nhằm thu mẫu cho việc giám định tên khoa học trong phòng thí nghiệm theo phương pháp hình thái so sánh, theo các sách chuyên ngành và sắp xếp các taxon của họ, chi, loài theo hệ thống phân loại [2, 3, 4].

Tuyến điều tra (TĐT) bố trí vuông góc hoặc song song với đường đồng mức. Chiều dài TĐT theo chiều dài của thảm thực vật và tùy thuộc vào địa hình nhưng không ngắn hơn 500 m. Ô tiêu chuẩn (OTC) có diện tích 400 m² (20 m x 20 m) được bố trí dọc theo hai bên tuyến điều tra với cự ly 200 - 300 m/ô. Mỗi trạng thái thảm thực vật bố trí ít nhất 3 OTC. Trong ô tiêu chuẩn 400 m², thiết lập hệ thống ô dạng bản (ODB) 4 m² (2 m x 2 m). ODB được bố trí dọc theo đường chéo, 4 góc và 4 cạnh ô tiêu chuẩn. Tổng diện tích ô dạng bản ít nhất bằng ¼ diện tích OTC (100 m²).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thành phần loài thực vật qua điều tra

Qua ba lần khảo sát và thu mẫu tại khu du lịch sinh thái Gáo Giồng vào hai tháng: tháng 8 năm 2009 và tháng 4 năm 2010, đã xác định được 199 loài thực vật bậc cao, 163 chi, 76 họ được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Danh mục thực vật đã được xác định ở khu du lịch sinh thái Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

STT	Tên khoa học	Tên thông thường	Dạng sống	Công dụng
	BRYOPHYTA	NGÀNH RÊU		
	1. FUNARIACEAE	Họ Rêu than		
1	<i>Funaria hygrometrica</i> Hedw.	Rêu than	TMN	T
	POLYPODIOPHYTA	NGÀNH DƯƠNG XỈ		
	2. BLECHNACEAE	Họ Guột rạn		
2	<i>Stenochloena palustris</i> Burm.f Redd	Choại	Dây leo	K
	3. LYGODIACEAE	Họ Bông bong		
3	<i>Lygodium microphyllum</i> (Var.) R. Br	Bông bong lá nhỏ	TNN	C
	4. MARSILEACEAE	Họ Rau bọ		
4	<i>Marsilea quadrifolia</i> L.	Rau bọ	TTS	T
	5. PARKERIACEAE	Họ Rau cần trôi		
5	<i>Ceratopteris thalictroides</i> (L.) Brong.	Ráng gác nai	TTS	R,T
	6. SALVINIACEAE	Họ Bèo ong		
6	<i>Salvinia cucullata</i> Roxb.	Bèo ong	TTS	K
	7. THELYPTERIDACEAE	Họ Dớn		

7	<i>Cyclosorus gongylodes</i> (Schkuhr.) Link	Quyết lông	TNN	T
8	<i>Cyclosorus parasiticus</i> (Linn.) Farwell	Dương xỉ	TNN	T
	GYMNOSPERMATOPHYTA	NGÀNH HẠT TRẦN		
	8. CYCADACEAE	Họ Tuế		
9	<i>Cycas revoluta</i>	Vạn tuế	Gỗ	C,T
	ANGIOSPERMATOPHYTA	NGÀNH HẠT KÍN		
	DICOTYLEDONAE	LỚP HAI LÁ MẪM		
	9. ACANTHACEAE	Họ Ô rô		
10	<i>Justicia gendarussa</i> L.	Thanh táo	TMN	K
11	<i>Justicia procumbens</i> L.	Tước sàng	TMN	K
12	<i>Ruellia tuberosa</i> L.	Quả nỏ	TMN	K
	10. AIZOACEAE	Họ Rau đắng đất		
13	<i>Glinus oppositifolius</i> (L.) DC.	Rau đắng đất	TMN	R,T
	11. AMARANTHACEAE	Họ Rau dền		
14	<i>Achyranthes aspera</i> L.	Cỏ xước	TMN	T
15	<i>Alternanthera paronychiodes</i> (L.) DC.	Dệu	TNN	R,T
16	<i>Amaranthus viridis</i> L.	Dền cơm	TMN	R,T
17	<i>Celosia argentea</i> L.	Mào gà trắng	TMN	C,T
	12. ANACARDIACEAE	Họ Xoài		
18	<i>Mangifera indica</i> Linn.	Xoài	Gỗ	Q,G
19	<i>Spondias cytherea</i> Sonn	Cóc	Gỗ	Q,T
	13. ANNONACEAE	Họ Na		
20	<i>Annona glabra</i> L.	Bình bát	Gỗ	Q,T
21	<i>Annona muricata</i> L.	Mãng cầu xiêm	Gỗ	Q,T
22	<i>Annona squamosa</i> L.	Na	Gỗ	Q,T
	14. APIACEAE	Họ Hoa tán		
23	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.	Rau má	TNN	R,T
24	<i>Limnocharis flava</i> (L.) Buch.	Tai tượng	TTS	R,T
	15. APOCYNACEAE	Họ Trúc đào		
25	<i>Adenium obesum</i> (Forssk) Roem. et Schult	Sứ sa mạc	Bụi	T,C
26	<i>Nerium divaricatum</i> L.	Mai chỉ thiên	Gỗ	C
27	<i>Wrightia religiosa</i> (Teijsm. et Binn.) Hook. f.	Mai chiếu thủy	Gỗ	C
	16. ASTERACEAE	Họ Cúc		
28	<i>Agertum conyzoides</i> Linn.	Cỏ cứt lợn	TMN	T
29	<i>Blumea lacera</i> (Burm.f.) DC.	Cải trời	TMN	R,T
30	<i>Cosmos sulphureus</i> Cav.	Sao nháy	TMN	C
31	<i>Dicliptera chinensis</i> (L.) Nees.	Lá diển	TMN	K
32	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L.	Cỏ mực	TMN	T
33	<i>Grangea maderaspatana</i> (L.) Poir.	Rau cóc	TMN	R,T

34	<i>Sphaeranthus indicus</i> L.	Chân vịt	TMN	T
35	<i>Struchium sparganophorum</i> (L.) O.Ktze	Cốc đồng	TMN	K
36	<i>Synedrella nodiflora</i> (Linn.) Gaertn.	Bọ xít	TMN	K
37	<i>Vernonia cineria</i> (L.) Less.	Bạch đầu ông	TMN	T
38	<i>Xanthium strumarium</i> Linn.	Ké đầu ngựa	Bụi	T
	17. BALSAMINACEAE	Họ Bóng nước		
39	<i>Impatiens balsamina</i> Linn.	Bóng nước	TMN	C,T
	18. BOMBACACEAE	Họ Gạo		
40	<i>Ceiba pentandre</i> (Linn.) Gaertn.	Gòn	Gỗ	G,K
	19. BORAGINACEAE	Họ Vòi voi		
41	<i>Coldenia procumbens</i> L.	Chùn lằn	TMN	T
42	<i>Heliotropium indicum</i> L.	Vòi voi	TMN	T
	20. CACTACEAE	Họ Xương rồng		
43	<i>Hylocereus undatus</i> (Haw) Br. et Ross	Thanh long	TNN	Q,C
44	<i>Opuntia monacantha</i> Haw.	Xương rồng bà	TNN	K
	21. CALLITRICHACEAE	Họ Ngổ trâu		
45	<i>Callitriche stagnalis</i> Scop.	Ngổ trâu	TTS	R,T
	22. CAPPARACEAE	Họ Màn màn		
46	<i>Cleome chelidomii</i> Linn.	Màn màn tím	TMN	T
	23. CLUSIACEAE	Họ Măng cụt		
47	<i>Callophyllum inophyllum</i> Linn.	Mù u	Gỗ	T
	24. COMBRETACEAE	Họ Bàng		
48	<i>Combretum quadrangulare</i> Kurj	Châm bầu	Gỗ	G,T
49	<i>Combretum trifoliatum</i> Vent.	Lăng vành	Bụi	T
	25. CONVULVULACEAE	Họ Khoai lang		
50	<i>Aniseia martinicensis</i> (Jacq.) Choisy	Bìm nước	Dây leo	T
51	<i>Ipomoea aquatica</i> Forsk.	Rau muống	TNN	R,T
52	<i>Ipomoea batatas</i> (L.) Lamk	Khoai lang	TMN	R,T,Q
53	<i>Ipomoea chryseide</i> (Kerr.) Ham.	Bìm bìm vàng	Dây leo	T
54	<i>Merremia gemella</i> (Burm.) Hall.f	Bìm bìm	Dây leo	T
	26. CUCURBITACEAE	Họ Bầu bí		
55	<i>Lagenaria siceraria</i> Standl.	Bầu	Dây leo	R
56	<i>Luffa acutangula</i> (Linn.) Roxb.	Mướp	Dây leo	R,T
57	<i>Trichosanthes tricuspidata</i> Lour.	Dây cứt quạ	Dây leo	R,T
	27. CUSCUTACEAE	Họ Tơ hồng		
58	<i>Cuscuta hydrophila</i> H.W.Pearson.	Dây tơ hồng	Kí sinh	T
	28. DIPTEROCARPACEAE	Họ Dầu		
59	<i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb.	Dầu nước	Gỗ	G,C
60	<i>Hopea odorata</i> Roxb.	Sao đen	Gỗ	G,T

	29. ELAEOCARPACEAE	Họ Côm		
61	<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz.	Cà na	Gỗ	Q,G,T
62	<i>Muntingia calabura</i> L.	Trúng cá	Gỗ	Q,T
	30. EUPHORBIACEAE	Họ Thấu dầu		
63	<i>Euphorbia thymifolia</i> Burm.	Cỏ sữa lá nhỏ	TMN	T
64	<i>Euphorbia vachellii</i> Hook & Arn	Cỏ sữa lá lớn	TMN	T
65	<i>Manihot esculent</i> Crantz	Củ mì	Bụi	Q
66	<i>Phyllanthus acidus</i> (L.) Skeels	Chùm ruột	Gỗ	Q,T
67	<i>Phyllanthus urinaria</i> L.	Cây chó đẻ	TMN	T
68	<i>Sauropus androgynus</i> (Linn.) Merr	Rau ngót	Bụi	R,T
	31. FABACEAE	Họ Đậu		
69	<i>Acacia mangium</i> Willd.	Keo tai tượng	Gỗ	K
70	<i>Cassia alata</i> Linn.	Muồng trâu	Gỗ	T
71	<i>Cassia grandis</i> L.f.	Ô môi	Gỗ	G,C,T
72	<i>Leuceana glauca</i> (Linn.) Benth	Keo dậu	Gỗ	G,K
73	<i>Mimosa pigra</i> Linn.	Mai dương	Bụi	K
74	<i>Mimosa pudica</i> L.	Trinh nữ	TNN	T
75	<i>Neptunia oleracea</i> Lour.	Rau rút	TTS	R,T
76	<i>Psophocarpus tetragonolobus</i> (L.) A.P. decand	Đậu xương rồng	Dây leo	R
77	<i>Pueraria phaseoloides</i>	Đậu ma	Dây leo	T
78	<i>Samanea saman</i> (Jacq.) Merr	Cồng	Gỗ	G
79	<i>Sesbania paludosa</i> (Roxb.) Prain.	Điên điển	Bụi	R,T
80	<i>Tamarindus indica</i> L.	Me	Gỗ	G,Q
	32. LAMIACEAE	Họ Hoa môi		
81	<i>Coleus amboinicus</i> Lour.	Húng chanh	TMN	R,T
	33. LAURACEAE	Họ Long não		
82	<i>Cassytha filiformis</i> L.	Dây tơ xanh	Kí sinh	T
	34. LENTIBULARIACEAE	Họ Rong li		
83	<i>Utricularia aurea</i> Lour.	Rong li vàng	TTS	T
	35. LORATHACEAE	Họ Tầm gửi		
84	<i>Scurrula parasitica</i> L.	Tầm gửi	Kí sinh	T
	36. LYTHRACEAE	Họ Tử vi		
85	<i>Duranta erecta</i> L.	Cẩm tú mai	TNN	C
86	<i>Lagerstroemia speciosa</i> Pers.	Bàng lằng nước	Gỗ	G,R,T
	37. MALPIGHIACEAE	Họ sớ ri		
87	<i>Malpighia glabra</i> Linn.	Sớ ri	Gỗ	C,Q
	38. MALVACEAE	Họ Bông		
88	<i>Hibiscus rosa-sinensis</i> L.	Dâm bụt	Bụi	C,T
89	<i>Sida acuta</i> Burm.	Bái chổi	TMN	T

90	<i>Urena lobata</i> Linn.	Ké hoa đào	Bụi	T
	39. MELASTOCEAE	Họ Mua		
91	<i>Melastoma candidum</i> D. Don	Mua	Bụi	T
	40. MELIACEAE	Họ Xoan		
92	<i>Azadirachta indica</i> Juss f.	Sầu đâu	Gỗ	R,T
93	<i>Khaya senegalensis</i> A. Juss.	Xà cừ	Gỗ	G,T
	41. MENYANTHACEAE	Họ Trang		
94	<i>Nymphoides indicum</i> (L.) Kuntze	Rau tràng	TTS	R,T
	42. MORACEAE	Họ Dâu tằm		
95	<i>Artocarpus champeden</i> (Lour.) Spreng	Mít tố nữ	Gỗ	Q,G,T
96	<i>Artocarpus heterophyllus</i> Lamk.	Mít	Gỗ	Q,G,T
97	<i>Ficus elastica</i> Roxb.	Đa búp đỏ	Gỗ	C,T
98	<i>Ficus glomerata</i> Roxb.	Sung	Gỗ	R,T
99	<i>Ficus hispida</i> L.	Ngái	Gỗ	Q,K
100	<i>Ficus microcarpa</i> L.f.	Gừa	Gỗ	C
101	<i>Ficus retusa</i> L.	Si	Gỗ	C
102	<i>Ficus subpiscocarpa</i> Gagn.	Sộp	Gỗ	C
	43. MYRTACEAE	Họ Sim		
103	<i>Eucalyptus camaldulensis</i> Dehn.	Bạch đàn trắng	Gỗ	G,K
104	<i>Melaleuca leucadendra</i> L.	Tràm	Gỗ	G,K
105	<i>Psidium guajava</i> Linn	Ổi	Gỗ	Q,G,T
106	<i>Syzygium samarangense</i> (Blume) Merr. et Perry	Mận, Roi	Gỗ	Q,G
107	<i>Syzygium wightianum</i> W. & Arn.	Trâm	Gỗ	Q,G,T
	44. NELUMBONACEAE	Họ Sen		
108	<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.	Sen hồng	TTS	R,T
109	<i>Nelumbo nucifera</i> var. <i>alba</i> Gaertn.	Sen trắng	TTS	R,T
	45. NYCTAGINACEAE	Họ Hoa giấy		
110	<i>Bougainvillea spectabilis</i> Willd.	Hoa giấy	Gỗ	C,T
111	<i>Mirabilis jalapa</i> Linn.	Hoa phấn	TMN	C,T
	46. NYMPHAEACEAE	Họ Súng		
112	<i>Nymphaea nouchali</i> Burm.f.	Súng lam	TTS	R,T
113	<i>Nymphaea pubescens</i> Willd.	Súng trắng	TTS	R,T
114	<i>Nymphaea rubra</i> Roxb. ex Salisb.	Súng đỏ	TTS	R,T
	47. OCHNACEAE	Họ Hoàng mai		
115	<i>Ochna integerrima</i>	Mai vàng	Gỗ	C,T
	48. ONAGRACEAE	Họ Rau dứa nước		
116	<i>Ludwigia adscendens</i> (L.) Hara.	Rau dứa nước	TTS	R,T
117	<i>Ludwigia hyssopifolia</i> (G. Don) Excell.	Rau mương	TMN	R,T
	49. OXALIDACEAE	Họ Chua me đất		

118	<i>Averrhoa carambola</i> Linn.	Khế	Gỗ	Q,T
119	<i>Oxalis corniculata</i> Linn.	Chua me đất nhỏ	TMN	C,T
120	<i>Oxalis repens</i> Thunb.	Chua me đất hoa vàng	TMN	T
	50. PASSIFLORACEAE	Họ Lạc tiên		
121	<i>Passiflora foetida</i> L.	Nhãn lồng	Dây leo	R,T
	51. PIPERACEAE	Họ Hồ tiêu		
122	<i>Peperomia leptostachya</i> Hook. & Arn	Càng cua	TMN	R,T
	52. POLYGONACEAE	Họ Rau Răm		
123	<i>Polygonum tomentosum</i> Willd.	Nghể	TTS	R,T
	53. RHAMNACEAE	Họ Táo ta		
124	<i>Zizyphus mauritiana</i> Lam.	Táo ta	Gỗ	Q,T
	54. RUBIACEAE	Họ Cà phê		
125	<i>Hedyotis heyneii</i> R. Br. ex Wight & Arn.	Lữ đồng	TMN	T
126	<i>Morinda citrifolia</i> Linn. var. <i>bracteaeta</i> Hook	Nhàu	Gỗ	T
127	<i>Morinda umbellate</i> L.	Nhàu tán	Bụi	K
128	<i>Nauclea orientalis</i> (L.)	Gáo trắng	Gỗ	G,T
129	<i>Sarcocephalus caudatus</i>	Gáo vàng	Gỗ	G,T
	55. RUTACEAE	Họ Cam		
130	<i>Citrus medica</i> Linn.	Chanh	Gỗ	Q
	56. SAPINDACEAE	Họ Bồ hòn		
131	<i>Dimocarpus longan</i> Lour.	Nhãn	Gỗ	Q,T
132	<i>Nephelium bassacense</i> Pierre	Chôm chôm	Gỗ	Q,T
	57. SCROPHULARIACEAE	Họ Hoa mõm sói		
133	<i>Lindernia crustacea</i> (L.) F. Muell.	Lữ đăng cần	TMN	T
134	<i>Lindernia parviflora</i> (Roxb.) Haines	Lữ đăng hoa nhỏ	TMN	K
135	<i>Scoparia dulcis</i> Linn.	Cam thảo đất	TMN	T
	58. SOLANACEAE	Họ Cà		
136	<i>Capsicum frutescens</i> L.	Ớt	TMN	Q,T
137	<i>Solanum melongena</i> Linn. var. <i>longum</i> Bailey	Cà tím	TMN	Q
	59. TILIACEAE	Họ Đay		
138	<i>Corchorus aestuans</i> L.	Bố dại	TMN	R,K
	60. URTICACEAE	Họ Gai		
139	<i>Poujoljia jeylanica</i> (Linn.) Benn.	Thuốc giòi	TNN	T
	61. VERBENACEAE	Họ Cỏ roi ngựa		
140	<i>Lantana camara</i> L.	Trâm ổi	Bụi	C,T
141	<i>Premna integrifolia</i> L.	Cách	Gỗ	R,T
	62. VITACEAE	Họ Nho		
142	<i>Cayratia trifolia</i> (L.) Domino	Vác	Dây leo	T
	MONOCOTYLEDONAE	LỚP MỘT LÁ MẪM		

	63. AGAVACEAE	Họ Thùa		
143	<i>Agave wrightii</i> Prain	Lan chi	TNN	C
	64. ALISMACEAE	Họ Trạch tả		
144	<i>Sagittaria sagittifolia</i>	Rau mác	TTS	R,T
	65. ARACEAE	Họ Ráy		
145	<i>Caladium bicolor</i> (Ait) var. <i>albomaculatum</i> Engler	Môn đóm	TNN	C
146	<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott	Môn nước	TNN	K
147	<i>Dieffenbachia amoena</i> Hort. Dumbane	Môn trường sinh xanh	TNN	C
148	<i>Pistia stratiotes</i> Linn.	Bèo cái	TTS	T,K
	66. ARECACEAE	Họ Cau		
149	<i>Caryota mitis</i> Lour.	Đủng đỉnh	Gỗ	C
150	<i>Cocos nucifera</i> Linn.	Dừa	Gỗ	Q,T
151	<i>Livistona sinensis</i> (Jacq) R. Br.	Cọ cảnh	Gỗ	C
152	<i>Salacca wallichiana</i> Mart.	Sa lác, Dừa kiếng	Gỗ	C
153	<i>Veitchia merrilli</i> Wendl	Cau trắng	Gỗ	C
	67. BROMELIACEAE	Họ Dứa		
154	<i>Ananas comosus</i> (Linn.) Merr	Dứa	TNN	Q,T
	68. COMMELINACEAE	Họ Thái lài		
155	<i>Commelina communis</i> Linn.	Rau trai	TNN	R,T
	69. CYPERACEAE	Họ Cói		
156	<i>Cyperus alternifolius</i> Linn.	Thủy trúc	TNN	C
157	<i>Cyperus digitatus</i> Roxb.	Cói bàn tay	TNN	K
158	<i>Cyperus halpan</i> L.	Cói dất chua	TNN	K
159	<i>Cyperus nutans</i> Vahl	U du	TMN	K
160	<i>Eleocharis dulcis</i> (Burm.f.) Hensch.	Năng ống	TNN	K
161	<i>Fimbristylis miliacea</i> (L.) Vahl	Tò te	TNN	K,T
162	<i>Fimbristylis squarrosa</i> Vahl	Cói quần ráp	TMN	K
163	<i>Fuirena umbellata</i> Rottb.	Cói đấng tán	TMN	K
164	<i>Scirpus grossus</i> L.f.	Lác hén	TNN	R,K,T
	70. DRACAENACEAE	Họ Bồng bồng		
165	<i>Dracaena fragrans</i>	Thiết mộc lan	Bụi	C
	71. HYDROCHARITACEAE	Họ Lá sắn		
166	<i>Blyxa aubertii</i> Rich.	Lá hẹ	TTS	R
167	<i>Hydrilla verticillata</i> L.f. Royle	Thủy thảo	TTS	T
	72. LEMNACEAE	Họ Bèo tấm		
168	<i>Lemna minor</i> Linn.	Bèo tấm	TTS	T
	73. MUSACEAE	Họ Chuối		
169	<i>Musa paradisiaca</i> Linn.	Chuối nhà	TNN	Q,T
	74. POACEAE	Họ Lúa		

170	<i>Bambusa stenostachya</i> Hack.	Tre gai	Gỗ	G
171	<i>Bambusa tulda</i> Roxb.	Tre Xiêm	Gỗ	K
172	<i>Bambusa tuldoidea</i> Munro.	Trúc	Gỗ	K
173	<i>Bambusa vulgaris</i> Schrad. ex Wendl var. <i>striata</i> Gamble	Tre vàng sọc	Gỗ	C
174	<i>Coelorachis</i> sp.	Xoang trực	TNN	K
175	<i>Coix aquatica</i> Roxb.	Nga	TNN	K
176	<i>Cymbopogon citratus</i> (DC.) Stapf.	Sả	TNN	T,K
177	<i>Cynodon dactylon</i> (L.) Pers.	Cỏ chỉ	TNN	T
178	<i>Echinochloa crus-garvonis</i> (H.B.K) Schult.	Cỏ lồng vực	TNN	K
179	<i>Echinochloa stagnina</i> (Retz.) Beauv.	Gai thảo mương	TNN	K
180	<i>Elusine indica</i> (Linn.) Gaertn.	Cỏ mần trầu	TMN	T
181	<i>Hymenachne acutigluma</i> (Steud.) Gilliland.	Mồm mõ	TNN	K
182	<i>Ischaemum hirtum</i> Hack.	Mồm lông	TNN	K
183	<i>Ischaemum rugosum</i> Salisb.	Mồm mốc	TNN	K
184	<i>Leersia hexandra</i> Swartz.	Cỏ bắc	TNN	K
185	<i>Leptochloa panicea</i> (Retz.) Ohwi.	Cỏ đuôi phụng	TMN	K
186	<i>Lophatherum gracile</i> Brongn.	Cỏ lá tre	TMN	K
187	<i>Oryza rufipogon</i> Griff.	Lúa ma	TMN	K
188	<i>Panicum repens</i> L.	Cỏ ống	TNN	T
189	<i>Phragmites karka</i> (Retz.) Trin. ex Steud.	Sậy	TNN	T,K
190	<i>Pseudoraphis brunoniana</i> Griff.	Cỏ gạo	TNN	K
191	<i>Saccharum arundinaceum</i> Retz.	Lau	TNN	T
192	<i>Saccharum officinarum</i> L.	Mía	TNN	T
193	<i>Saccharum spontaneum</i> L.	Đế	TNN	T,K
194	<i>Sporobolus tenuissinus</i> (Schr.) O. Krje	Cỏ trứng rận	TMN	K
195	<i>Urochloa mutica</i> (Forssk.) T.Q.Nguyen.	Cỏ lồng tây	TNN	K
196	<i>Vetiveria</i> sp.	Hương lau	TNN	K
	75. PONTEDERIACEAE	Họ Lục bình		
197	<i>Eichhornia crassipes</i> (Mart.) Solms.	Lục bình	TTS	K
198	<i>Monochoria hastata</i> (L.) Solms.	Dong nước	TTS	R,T
	76. ZINGIBERACEAE	Họ gừng		
199	<i>Costus speciosus</i> keon Smith	Cát lỏi	TMN	R,T

Ghi chú: TMN: Thảo một năm; TNN: Thảo nhiều năm; TTS: thảo thủy sinh ; T: Cây làm thuốc; C: Cây làm cảnh; Q: Cây lấy quả, củ; R: Cây làm rau, lương thực, thực phẩm; G: Cây lấy gỗ; K: Cây có giá trị khác.

3.2. Đánh giá sự đa dạng về thành phần loài và dạng sống thực vật bậc cao ở khu du lịch sinh thái Gáo Giồng

Trong 199 loài thực vật bậc cao, 76 họ đã thống kê, thì họ Lúa (Poaceae) có nhiều chi nhất 20 chi, 27 loài, họ Cúc (Asteraceae) có 11 chi, 11 loài, họ Đậu (Fabaceae) có 10 chi, 12 loài, họ Cói (Cyperaceae) có 5 chi, 9 loài, họ Dâu tằm (Moraceae) có 2 chi, 8 loài và 38 họ chỉ có một chi và một loài. Trong các chi thì chi *Ficus* có nhiều loài nhất (6 loài), 2 chi có 4 loài: *Bambusa* và *Cyperus* và 4 chi có 3 loài: *Nymphaea*, *Ipomoea*, *Annona* và *Saccharum*.

Kết quả nghiên cứu đã thống kê được 5 kiểu dạng sống các loài thực vật bậc cao trong khu du lịch sinh thái Gáo Giồng. Đó là các dạng: dạng thân thảo chiếm ưu thế với 113 loài chiếm 56,78%, trong đó thảo một năm 49 loài (24,62%), thảo nhiều năm 42 loài (21,11%) và thảo thủy sinh 22 loài (11,05%); dạng thân gỗ có 59 loài, chiếm 29,65%; dây leo có 11 loài, chiếm 5,53%; dạng thân bụi có 13 loài, chiếm 6,53%; dạng kí sinh có 3 loài, chiếm 1,51%.

Kết quả trên cho thấy dạng sống chính trong khu du lịch sinh thái Gáo Giồng là dạng thảo chiếm 56,78% gồm chủ yếu là những loài cỏ sống lâu năm (thảo thủy sinh và thảo nhiều năm), chịu ngập nước, xen lẫn với cây gỗ, cây bụi và dây leo sống trong môi trường ngập nước hàng năm, đất nghèo chất dinh dưỡng, chua và hạn vào mùa khô.

Trong 199 loài đã ghi nhận được thì có 3 loài thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại các thực vật khác, đó là: mai dương (*Mimosa pigra* Linn.), trâm ổi (*Lantana camara* L.) và lục bình (*Eichhornia crassipes* (Mart.) Solms.); và 3 loài kí sinh có nguy cơ phát triển mạnh lấn át các cây thân gỗ là: dây tơ hồng (*Cuscuta hydrophilae* H.W.Pearson.), dây tơ xanh (*Cassytha filiformis* L.) và tầm gửi (*Scurrula parasitica* L.).

3.3. Đa dạng về giá trị sử dụng

Dựa vào giá trị sử dụng theo tài liệu: Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2003) [1], chúng tôi phân loại các loài điều tra thành nhóm được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Giá trị sử dụng của các loài thực vật ở khu du lịch sinh thái Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

STT	Giá trị sử dụng	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Cây làm thuốc	T	123	61,82
2	Cây làm cảnh	C	33	16,58
3	Cây lấy quả, củ	Q	31	15,58
4	Cây làm rau, lương thực, thực phẩm	R	41	20,60
5	Cây lấy gỗ	G	22	11,06
6	Cây có giá trị khác	K	49	24,62

Trên cơ sở các số liệu thu thập được ở Bảng 2 cho chúng ta thấy giá trị sử dụng của các loài thực vật, trong đó cây làm thuốc có số loài cao nhất với 123 loài chiếm 61,82%, tiếp đến là cây có giá trị khác với 49 loài chiếm 24,62%, đây là những loài về giá trị kinh tế khác nhau, hoặc chưa xác định rõ, tuy nhiên nó có ý nghĩa về đa dạng sinh học trong giới thực vật. Tiếp đến là nhóm cây làm rau, lương thực, thực phẩm với 41 loài chiếm 20,60%, cây làm cảnh với 33 loài chiếm 16,58%, cây lấy quả, củ với 31 loài chiếm 15,58%, nhóm cây lấy gỗ với 22 loài chiếm 11,06%.

Qua số liệu trên chúng ta thấy rằng số loài thực vật ở khu du lịch sinh thái Gáo Giồng huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có nhiều giá trị về mặt tài nguyên thực vật, được con người sử dụng có hiệu quả kinh tế và sự tồn tại bền vững của khu du lịch sinh thái Gáo Giồng.

4. Kết luận

Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng có 199 loài thực vật bậc cao, 1 loài thực vật chưa có mạch (chiếm 0,5%), 7 loài Dương xỉ (chiếm 3,52%), 1 loài thực vật Hạt trần (chiếm 0,5%) và 190 loài thực vật có hoa (95,48%) thuộc 163 chi và 76 họ, trong đó họ Poaceae có nhiều chi nhất (20 chi, 27 loài), họ Asteraceae có 11 chi, 11 loài, họ Fabaceae có 10 chi, 12 loài, họ Cyperaceae có 5 chi 9 loài, họ Moraceae có 2 chi, 8 loài và 38 họ chỉ có một chi và một loài. Trong các chi thì chi *Ficus* có nhiều loài nhất (6 loài), 2 chi có 4 loài: *Bambusa* và *Cyperus* và 4 chi có 3 loài: *Nymphaea*, *Ipomoea*, *Annona* và *Saccharum*.

Có 5 kiểu dạng sống: dạng thân thảo ưu thế với 113 loài chiếm 56,78%, trong đó thảo một năm 49 loài (24,62%), thảo nhiều năm 42 loài (21,11%) và thảo thủy sinh 22 loài (11,05%); dạng thân gỗ có 59 loài, chiếm 29,65%; dây leo có 11 loài, chiếm 5,53%; dạng thân bụi có 13 loài, chiếm 6,53%; dạng kí sinh có 3 loài, chiếm 1,51%.

Có 3 loài thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại các thực vật khác, đó là: mai dương (*Mimosa pigra* Linn.), trâm ổi (*Lantana camara* L.) và lục bình (*Eichhornia crassipes* (Mart.) Solms.); và 3 loài kí sinh có nguy cơ phát triển mạnh lấn át các cây thân gỗ là: dây tơ hồng (*Cuscuta hydrophilae* H.W.Pearson.), dây tơ xanh (*Cassytha filiformis* L.) và tầm gửi (*Scurrula parasitica* L.).

Nhóm cây làm thuốc có số loài cao nhất với 123 loài chiếm 61,82%, tiếp đến là cây có giá trị khác với 49 loài chiếm 24,62%, đây là những loài về giá trị kinh tế khác nhau, hoặc chưa xác định rõ, tuy nhiên nó có ý nghĩa về đa dạng sinh học trong giới thực vật. Tiếp đến là nhóm cây làm rau, lương thực, thực phẩm với 41 loài chiếm 20,60%, cây làm cảnh với 33 loài chiếm 16,58%, cây lấy quả, củ với 31 loài chiếm 15,58%, nhóm cây lấy gỗ với 22 loài chiếm 11,06%.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Võ Văn Chi (2003), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học Hà Nội.
- [2]. Phạm Hoàng Hộ (1999, 2003), *Cây cỏ Việt Nam*, tập I, II, III, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [3]. Klein R. M., Klein D. T. (1979), *Phương pháp nghiên cứu thực vật*, tập I, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, tr. 56 - 68.
- [4]. Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (2002), *Thực vật chí Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [5]. Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, *Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Cao Lãnh đến năm 2010*.
- [6]. Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Sida (2003), *Sinh vật ngoại lai xâm hại: Sự xâm lăng thầm lặng*, NXB IUCN Việt Nam, Hà Nội, tr. 8 - 9.

Summary

In the investigation of species composition of higher plants in Gao Giong ecotourism, Cao Lanh District, Dong Thap Province, it confirmed 199 species, 163 genera, 76 families. These species comprise one nonvascular plant species (of Bryophyta), accounting for 0.5%; 7 species of Polypodiophyta, making 3.52%; 1 species of Gymnospermatophyta, 0.5%; 190 species with flowers (of Angiospermatophyta), 95.48%. Among them, there are 133 species of Dicotyledoneae, 66.84% and 57 species of Monocotyledoneae, 28.64 %.

Keywords: The taxon, species, genera, families.